TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **656**/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 16/9/2026.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2026, tại Cơ sở 1 Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 452/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Tướng Thị H**, sinh ngày 04/11/1994; Số CCCD 008194012878.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố Đ), phường M, tỉnh Tuyên Quang *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*;

* *Bị đơn*: Anh **Nông Văn T**, sinh ngày 13/3/1991; Số CCCD 008091005320.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố Đ), phường M, tỉnh Tuyên Quang *(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Tướng Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn T được tự do tìm hiểu rồi tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 29/7/2014 tại UBND M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND phường M, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tổ dân phố Đ,

phường M, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc được được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên đánh bạc, lô đề, đã có lần bị xử phạt vi phạm hành chính, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay, tình cảm vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nông Đức A, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nông Thị Thúy H1, sinh ngày 05/8/2016. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nông Thị Thúy H1; giao cháu Nông Đức A cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị H đề nghị Tòa án giao cả hai cháu Nông Đức A và cháu Nông Thị Thúy H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay công việc chính của chị là quản lý quán ăn có địa chỉ tại phường B, thành phố Hà Nội. Lương tháng của chị trung bình khoảng 12.000.000 đồng. Hàng tuần chị vẫn thường xuyên về thăm con. Chị ở cùng bố mẹ đẻ của chị tại Tổ dân phố Đ, phường M, tỉnh Tuyên Quang, bố mẹ chị vẫn thường xuyên phụ giúp chị chăm sóc và đưa đón các cháu đi học.

- Về tài sản chung: Chị và anh Nông Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị và anh Nông Văn T không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định của pháp luật bằng hình thức qua dịch vụ bưu chính và có văn bản được giao cho mẹ đẻ anh T là bà Tướng Thị M nhận thay (bà cam kết sẽ giao tận tay cho anh T). Anh T không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị H có đơn để nghị không tiến hành hòa giải.

Kết quả xác minh tại Tổ trưởng tổ dân phố Đ, phường M, tỉnh Tuyên Quang thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND phường M, tỉnh Tuyên Quang) và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Đ, phường M, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống anh chị hạnh phúc, tuy nhiên sau khi chị H đi làm ăn xa, địa phương có nắm được tình cảm vợ chồng rạn nứt, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì chính quyền địa phương không nắm

được. Chị H yêu cầu giải quyết ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nông Đức A, sinh năm 2014 và cháu Nông Thị Thúy H1, sinh năm 2016, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H và anh T có tài sản chung gì không, có vay nợ ai hay cho ai vay nợ không, địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại gia đình bà Tướng Thị M (mẹ đẻ của anh T) thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND phường M, tỉnh Tuyên Quang) vào năm 2014 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn anh chị H - Thức chung sống cùng gia đình bà tại tổ dân phố Đ, phường M, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống anh chị H - Thức hạnh phúc thời gian đầu, không thấy phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên mấy năm gần đây chị H đi làm ăn xa, 1 đến 2 năm mới về thăm nhà, khoảng 2 năm trở lại đây thì chị H không về nhà nữa, nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là gì thì bà không nắm được. Nay chị H khởi kiện ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nông Đức A, sinh năm 2014 và cháu Nông Thị Thúy H1, sinh năm 2016. Nếu anh chị H - Thức ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về vay nợ chung: Chị H và anh T không có vay nợ chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tướng Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tướng Thị H được ly hôn anh Nông Văn T.

+ Về con chung: Giao hai cháu Nông Đức A, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nông Thị Thúy H1, sinh ngày 05/8/2016 cho chị Tướng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nông Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Tướng Thị H và anh Nông Văn T không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về án phí: Chị Tướng Thị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh Nông Văn T không phải chịu án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Tướng Thị H và anh Nông Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định. Nguyên đơn chị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung với anh T. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nông Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường M, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Nguyên đơn chị Tướng Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nông Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tướng Thị H và anh Nông Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2014 tại UBND M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND phường M, tỉnh Tuyên Quang) là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị H - Thức chung sống tại thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tổ dân phố Đ, phường M, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc được được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị H xác định là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên đánh bạc, lô đề, đã có lần bị xử phạt vi phạm hành chính, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay, đến nay cuộc sống chung vợ chồng không còn sự ràng buộc, không ai quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đã quyết định xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh T không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ nên cần chấp nhận. Xử cho chị Tướng Thị H được ly hôn với anh Nông Văn T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Tướng Thị H và anh Nông Văn T có 02 con chung là cháu Nông Đức A, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nông Thị Thúy H1, sinh ngày 05/8/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thị Thúy H1 và yêu cầu giao cháu Nông Đức A cho anh Nông Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị H đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Nông Đức A và cháu Nông Thị Thúy H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu Đức A có nguyện vọng được ở với anh T; cháu Thúy H1 có nguyện vọng được ở với chị H. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng, nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, vì vậy Tòa án không ghi được ý kiến của anh T về giải quyết các mối quan hệ trong vụ án, điều đó thể hiện anh T không có thiện chí hợp tác, gây khó khăn cho Tòa án khi giải quyết vụ án.

Đối với cháu Đức A, mặc dù cháu có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn; cháu Thúy H1 nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên hiện tại cả hai cháu Đức A và Thúy H1 đều đang ở với chị H, các cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc, quản lý, giáo dục thường xuyên của người trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến cũng như không có chứng cứ chứng minh được điều kiện, khả năng thực tế để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tạo điều kiện để các cháu được phát triển tốt nhất về mọi mặt. Vì vậy, cần giao cháu Nông Đức A và cháu Nông Thị

Thúy H1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp pháp luật và nguyện vọng của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tướng Thị H và anh Nông Văn T không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Tướng Thị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nông Văn T không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tướng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tướng Thị H được ly hôn anh Nông Văn T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 29/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nay là Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Tuyên Quang).* Quan hệ hôn nhân giữa chị Tướng Thị H và anh Nông Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Đức A, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nông Thị Thúy H1, sinh ngày 05/8/2016 cho chị Tướng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nông Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Tướng Thị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí chị H đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/26E số 0000052 ngày 07/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Tướng Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nông Văn T không phải chịu án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường Mỹ Lâm (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Thanh Sơn